

# GIỚI THIỆU ĐÔI NÉT

## VỀ HÒA THƯỢNG TUYÊN HÓA

Hoà Thượng vốn họ Bạch, tên tục là Ngọc Thư, Pháp danh là An Từ, tự Độ Luân, và Tuyên Hóa là Pháp hiệu do Lão Hoà Thượng Hư Vân đặc biệt tặng cho khi Ngài thọ lãnh sứ mạng làm người kế thừa truyền Pháp đời thứ chín của Thiên Tông Quy Nguỡng. Ngài sinh ngày 16 tháng 3 năm Mậu Ngọ (1918), tại tỉnh Kiệt Lâm, huyện Song Thành, tỉnh Tùng Giang, Đông Bắc Trung Hoa (tức Mãn Châu). Thân phụ Ngài tên Phú Hải, chuyên nghề nông; thân mẫu thuộc dòng dõi họ Hồ, sinh được tám người con, năm trai ba gái, và Ngài là út.

Thân mẫu Ngài thọ chay trường, niệm Phật chẳng hề gián đoạn. Một đêm nọ bà mộng thấy Đức Phật A Di Đà hiện thân, phóng hào quang chiếu sáng khắp thế giới, chấn động thiên địa. Giật mình tỉnh giấc, bà ngửi thấy mùi hương kỳ diệu khắp phòng, rồi sau đó hạ sanh Ngài. Ngài vừa ra đời liền khóc suốt ba ngày đêm, chính là vì đau xót cho nỗi khổ của thế giới Ta Bà này vậy.

Năm Ngài mười một tuổi, một hôm cùng chúng bạn dạo chơi, Ngài chợt trông thấy một em bé miệng ngậm, mắt nhắm, nằm bó trong đám rơm. Ngài gọi mà đứa bé chẳng đáp, rờ thì chẳng có hơi thở. Ngài lấy làm khó hiểu vô cùng nên hỏi lũ bạn. Có kẻ hiểu biết nên liền nói :

"Đứa bé đã chết rồi!" Song Ngài vẫn vô cùng ngạc nhiên, không hiểu thế nào là chết.

Về nhà, Ngài thưa hỏi thân mẫu, bà dạy : *"Phàm làm người, ai cũng phải chết. Có kẻ chết già, có kẻ chết vì bệnh, cũng có kẻ chết vì tai nạn. Bất luận là giàu sang hay nghèo hèn, ai ai rốt cuộc cũng phải chết cả"*.

Ngài lại thưa : *"Như vậy, có cách gì thoát sự chết chẳng ?"*. Bấy giờ trong nhà có vị khách xưa kia từng tu Đạo, đỡ lời đáp rằng : *"Chỉ có cách tu Đạo, hiểu rõ tự tâm, thấu suốt bốn tánh, thì mới có thể chấm dứt sanh tử, thoát vòng luân hồi, thành tựu Chánh Giác, chứng được Vô Sanh."*

Tuy lúc đó Ngài còn nhỏ tuổi, song đối với lời vị khách nói, Ngài tỉnh ngộ sâu xa, nên quyết chí xuất gia tu Đạo. Khi Ngài mang chuyện xuất gia thưa với thân mẫu, bà dạy : *"Xuất gia là điều tốt lắm, song không phải là chuyện dễ làm. Cần có thiện căn, có đại nguyện lực, phát đại Bồ Đề tâm, thì mới có thể thành tựu Vô Thượng Đạo. Nay con có lòng vậy, ta hết sức"*

*đồng ý! Song, nay ta đã già, mà các anh chị con đều đã tự lập; vậy con nên ở lại để phụng dưỡng cha mẹ; khi ta mất rồi, con xuất gia tu hành cũng chưa muộn."*

Ngài vâng lời cha mẹ. Sau đó, hằng ngày thường theo thân mẫu lạy Phật. Lạy Phật xong, Ngài lạy cha mẹ. Rồi vì nhận thấy thế giới này còn lớn hơn cả cha mẹ, nên Ngài hướng về trời, đất, vua, sư trưởng mà lạy. Ngài lại nghĩ đến những người tốt trên thế giới mà lạy, thậm tạ ơn họ về các việc thiện họ đã làm. Nhận thấy những người ác thật đáng thương, Ngài lại vì họ mà lạy, mong sao nghiệp chướng của họ được giảm bớt và sớm biết hối cải. Mỗi ngày Ngài lại nghĩ thêm những người khác để lạy; nên về sau, bất kể thời tiết, mỗi ngày Ngài đều đặn lạy 837 lạy vào buổi sáng và 837 lạy vào buổi tối.

Ngày lại ngày, Ngài cung kính phụng dưỡng song thân như đối với Đức Phật vậy. Chẳng bao lâu tiếng hiếu thảo đồn khắp bốn phương, và mọi người đều gọi Ngài là *Bạch Hiếu Tử* (người con chí hiếu họ Bạch).

Năm Ngài mười chín tuổi thì gặp phải tang thân mẫu. Sau khi chu toàn việc mai táng, Ngài đến Chùa Tam Duyên lạy Lão Hòa Thượng Thường Trí làm Thầy, và xuống tóc xuất gia. Sau đó, Ngài về lại mộ phần thân mẫu thủ hiếu trong ba năm. Suốt thời gian ấy, Ngài sống trong một túp lều tranh nhỏ,

ngày ngày tọa Thiền, đọc tụng Kinh Diệu Đại Thừa và niệm danh hiệu Phật A Di Đà . Rất nhiều lần Ngài ngồi Thiền rồi nhập Định, liên tiếp trong nhiều tuần lễ chẳng rời thiền sàng. Một đêm nọ, dân trong thôn gần đó hốt hoảng thấy túp lều tranh của Ngài hừng hực lửa đỏ. Ánh lửa hồng phừng thắp lên giữa không trung và túp lều tranh thì sáng rực như ban ngày. Song, khi tới nơi mọi người thấy túp lều tranh vẫn bình lặng, và Ngài thì an nhiên, tĩnh mặc trong Thiền Định!

Có lần Ngài đang tọa Thiền thì chợt có vị khách đến viếng. Vị khách ấy, ngạc nhiên thay, chính là Lục Tổ Huệ Năng! Đức Tổ Sư dạy Ngài rằng trong tương lai Ngài sẽ đến Mỹ Quốc để độ sinh, rằng ở Tây Phương Ngài sẽ gặp nhiều kẻ hữu duyên có thể hoằng dương Phật Pháp, và sẽ độ vô lượng vô biên chúng sanh. Mãi đến lúc Đức Tổ Sư từ biệt quay đi rồi, Ngài mới choàng tỉnh, sức nhớ rằng Đức Huệ Năng vốn là người đời Đường, khoảng 1,200 năm về trước!

Năm 1946, sau khi Thế Chiến Thứ Hai kết thúc, tình trạng giao thông trong nước đã bắt đầu dễ dàng trở lại. Ngài bèn tìm xuống phía Nam để đến Chùa Nam Hoa ở Tào Khê, tỉnh Quảng Đông, đánh lễ Lão Hòa Thượng Hư Vân, và đến núi Phổ Đà để thọ Cụ Túc Giới. Cuối cùng, trải hơn 3,000

dặm, Ngài đã được bái kiến Lão Hòa Thượng Hư Vân, bậc Đại Thiện Tri Thức mà Ngài bấy lâu ngưỡng mộ.

Vừa nhìn thấy Ngài, Lão Hòa Thượng, lúc ấy đã 109 tuổi, liền nhận ra ngay sự chứng ngộ của Ngài. Khi đó, lão Hòa Thượng nói : "*Như thị, như thị!*" và Ngài cũng đáp lại "*Như thị, như thị !*" Biết Ngài là bậc 'pháp khí', Lão Hòa Thượng Hư Vân ấn chứng sở đắc của Ngài, và Ngài chính thức trở thành vị tổ thứ chín của Thiên Tông Quy Ngưỡng. Sau đó, Lão Hòa Thượng dạy Ngài ở lại đảm nhận chức Viện Trưởng Viện Giới Luật Chùa Nam Hoa.

Năm 1949, Ngài từ già Chùa Nam Hoa, lên đường sang Hương Cảng, và sống trong một sơn động biệt lập. Chẳng bao lâu, có vô số tăng lữ từ Trung Hoa Đại Lục qua Hương Cảng tị nạn và cần sự giúp đỡ của Ngài. Ứng với nhân duyên, Ngài rời sơn động, sáng lập Phật Giáo Giảng Đường, Chùa Tây Lạc Viên và Từ Hưng Thiền Tự, cùng trợ giúp xây dựng và trùng tu nhiều đạo tràng khác. Trong suốt mười hai năm ở Hương Cảng, Ngài là tấm gương sáng khổ hạnh, tinh tấn tu Đạo, vì Pháp quên mình. Ngài đã ảnh hưởng vô số thiện nam tín nữ, khiến họ phát tâm Bồ Đề, quy y Tam Bảo, ủng hộ Phật Pháp.

Hòa Thượng Tuyên Hóa vốn nuôi chí nguyện đem Chánh Pháp truyền bá đến khắp nơi trên toàn thế giới, nên năm 1961,

Ngài sang Úc Châu hoằng Pháp; và năm sau, 1962, Ngài đến San Francisco, Mỹ Quốc. Tại đây, nơi một nhà kho nhỏ, Ngài kiên trì tu hành trong im lặng, chờ đợi cơ duyên hoằng dương Đạo Pháp chín muồi. Lúc ấy, Ngài tự gọi mình là *Mộ Trung Tăng* (nhà sư trong phần mộ), và *Hoạt Tử Nhân* (người đã chết nhưng còn sống).

Năm 1968, biết cơ duyên đã đến, Ngài nói : "Một đóa hoa sẽ nở ra năm cánh." Mùa hè năm ấy, Ngài chủ trì Pháp hội giảng Kinh Lăng Nghiêm trong 96 ngày. Khi Pháp hội kết thúc, quả nhiên có năm người Mỹ xin xuất gia với Ngài. Từ đó, Ngài chủ trì nhiều Pháp hội khác giảng giải Tâm Kinh, Kinh Địa Tạng, Kinh Pháp Hoa, Kinh Pháp Bảo Đàn, v. v.. Năm 1971, Ngài giảng bộ Kinh tối cao của Đại Thừa, Kinh Hoa Nghiêm.

Song song với việc giảng Kinh thuyết Pháp, Ngài còn làm vô số công đức độ sinh khác. Năm 1976, Ngài thành lập *Vạn Phật Thánh Thành*, nền tảng căn cứ địa để hoằng dương Phật Pháp tại Mỹ Quốc. Tại Thánh Thành, Ngài xây dựng chế độ tùng lâm, đào tạo Tăng Ni học chúng, tạo nhân duyên thù thắng cho sự chân chính tu hành. Ngài chủ trương rằng tất cả Phật tử cần phải đoàn kết lại và nên dung hợp Nam, Bắc Tông. Vì thế, nhiều dịp truyền thọ Tam Đàn Đại Giới tổ

chức tại Vạn Phật Thánh Thành là do Chư Cao Tăng Đại Thừa và Tiểu Thừa hợp lực chủ trì.

Năm 1980, Ngài thành lập Trung Tâm Cứu Tế Nạn Dân, một tổ chức cứu trợ xã hội bất vụ lợi được chính phủ Hoa Kỳ ủy quyền để cứu tế, cung cấp các lớp huấn nghệ và Anh Ngữ, đồng thời giúp tái định cư người tỵ nạn từ Việt Nam, Lào, Cambodia. Trung tâm này đóng cửa vào năm 1986 theo quyết định của chính phủ.

Với tinh thần "Vì Pháp quên mình," Hòa Thượng không quản khó nhọc, thường xuyên đến các đạo tràng trong và ngoài nước để hoằng dương Phật Pháp. Ngài được mọi giới kính ngưỡng vì nếp sống khổ hạnh và nghiêm trì Giới Luật của Ngài. Trong thời Mạt Pháp mà nhiều người không tôn trọng Giới Luật này, Ngài đã nêu gương sáng và khuyến khích nếp sống khổ hạnh bằng cách chỉ ăn mỗi ngày một bữa vào giờ Ngọ và ban đêm thì ngủ ngồi chứ không nằm.

Bình sanh, Ngài sống nhẫn nhục, khoan dung, nhịn ăn nhiều lần để hồi hướng công đức cho chúng sanh. Cuộc khủng hoảng hỏa tiễn ở nước Cuba vào năm 1962 đã xảy ra không bao lâu sau khi Ngài đến Hoa Kỳ. Ngài đã tuyệt thực năm tuần để hồi hướng cho nền hòa bình thế giới. Vào dịp Ngài du hành Đài Loan năm 1989, Ngài đã nhịn ăn ba tuần lễ để hồi hướng

cho dân chúng Đài Loan. Sau đó, Ngài lại đi hoằng Pháp tại nhiều nước Châu Âu.

Mặc dầu tuổi Ngài đã cao nhưng Ngài vẫn không muốn nghỉ ngơi tĩnh dưỡng. Suốt ba mươi năm liên tục, Ngài đã đăng đàn thuyết Pháp và giảng luận Kinh Điển Phật Giáo, gương cao ngọn đèn rực rỡ của trí huệ để soi đường cho chúng sanh đang chìm đắm trong đêm tối của thời đại Mạt Pháp này. Chính trong lúc Ngài đang bệnh để gánh chịu khổ nạn cho chúng sanh, Ngài vẫn kiên trì tiếp tục đại nguyện diễn dịch Kinh Điển Phật Giáo.

Ngày 7 tháng 6 năm 1995, Hòa Thượng Tuyên Hóa thị hiện Viên Tịch tại Los Angeles, Mỹ Quốc; trao lại cho các đệ tử ba trách nhiệm quan yếu :

*(1) tiếp tục hoằng dương Phật Pháp,*

*(2) phiên dịch kinh điển Phật Giáo, và*

*(3) hoàn mãn sự nghiệp giáo dục.* Vâng theo di huấn của Ngài, tứ chúng đệ tử tại các đạo tràng thực Tổng Hội Phật Giáo Pháp Giới đều chuyên tâm trì tụng Kinh Hoa Nghiêm và niệm Phật suốt 49 ngày kể từ hôm Ngài Viên Tịch. Ngày 12 tháng 6, 1995, Lễ Nhập Quan được cử hành tại Long Beach Thánh Tự; và đến ngày 16 tháng 6, Kim quan của Ngài được



cung thỉnh về Vạn Phật Thành. Tại đây Đại Lễ Truy Ân được tổ chức từ ngày 26 đến ngày 28 tháng 7, tro cốt của Ngài được rải trên địa phận của Vạn Phật Thánh Thành đúng như lời di giáo của Ngài:

"Khi tôi đến, tôi không có gì cả; khi tôi đi, tôi vẫn không có gì cả. Tôi không muốn để lại dấu vết gì trên thế gian. Tôi từ hư không đến. Tôi sẽ trở về hư không!".

Dù cho Ngài không muốn để lại một dấu vết nào trên thế gian này, nhưng công đức hoàng Pháp tại Tây Phương, phiên dịch kinh điển, thiết lập đạo tràng và học đường của Ngài lúc còn tại thế đã gieo hạt giống Bồ Đề và đã gây được ảnh hưởng sâu rộng đến các tầng lớp dân chúng Tây Phương. Những dấu ấn đó của Ngài sẽ không bao giờ phai mờ với thời gian !

Ngày 23 tháng 6 năm 1996, đúng một năm sau ngày Hòa Thượng Tuyên Hóa nhập Niết Bàn, Tổng Hội Phật Giáo Pháp Giới long trọng tổ chức Lễ Cung Thỉnh Xá Lợi Hòa Thượng về các Đạo Tràng. Hòa Thượng Tuyên Hóa đã vĩnh viễn ra đi, nhưng trong tâm trí mọi người vẫn âm vang lời di huấn của Ngài : "*Hãy quét sạch tất cả các Pháp, ly khai tất cả các tướng !*".

# MƯỜI TÁM ĐẠI NGUYỆN CỦA LÃO HÒA THƯỢNG TUYÊN HÓA

Năm Hòa Thượng Tuyên Hóa mười chín tuổi thì thân mẫu Ngài tạ thế. Sau khi lo liệu chu toàn việc mai táng. Ngài tới Chùa Tam Duyên ở Hạp Nhĩ Tân lạy Hòa Thượng Thường Trí làm Thầy, chính thức xuất gia. Ít lâu sau, Ngài tới trước mộ phần của thân mẫu để thủ hiếu. Năm đó, nhân ngày vía Đức Quán Thế Âm Bồ Tát, 19 tháng 6 âm lịch, Ngài đối trước Chư Phật và Chư Bồ Tát mười phương phát Mười Tám Đại Nguyện :

"Kính lạy mười phương Chư Phật, cùng Tam Tạng Pháp,  
Với Chư Hiền Thánh Tăng trong đời quá khứ và hiện tại,

Nguyện rủ lòng chứng giám :

Đệ tử là Độ Luân, Thích An Từ,

Con nay phát tâm,

Chẳng vì cầu phước báu của hàng Trời, Người, cùng  
Thanh Văn, Duyên Giác,

Hay của hàng Bồ Tát Quyền Thừa, Mà phát Bồ Đề Tâm.

Nguyện cùng tất cả chúng sanh trong Pháp Giới,

Đồng thời chúng đấng,

A nậu đa la Tam miệu Tam Bồ Đề

1. Nguyện rằng nếu có một vị thuộc hàng Bồ Tát ở mười phương ba đời, trong tận cùng hư không, biển khắp Pháp Giới, mà chưa thành Phật, thì con thề không giữ ngôi Chánh Giác.

2. Nguyện rằng nếu có một vị thuộc hàng Duyên Giác ở mười phương ba đời, trong tận cùng hư không, biển khắp Pháp Giới, mà chưa thành Phật, thì con thề không giữ ngôi Chánh Giác.

3. Nguyện rằng nếu có một vị thuộc hàng Thanh Văn ở mười phương ba đời, trong tận cùng hư không, biển khắp Pháp Giới, mà chưa thành Phật, thì con thề không giữ ngôi Chánh Giác.

4. Nguyện rằng nếu có một vị thuộc hàng Trời, Người ở trong Tam Giới, mà chưa thành Phật, thì con thề không giữ ngôi Chánh Giác.

5. Nguyện rằng nếu còn một Người ở trong mười phương thế giới chưa thành Phật, thì con thề không giữ ngôi Chánh Giác.

6. Nguyên rằng nếu có một vị Trời, Người hay A tu la, mà chưa thành Phật, thì con thề không giữ ngôi Chánh Giác.

7. Nguyên rằng trong thế giới loài Súc sanh mà còn một kẻ chưa thành Phật, con thề không giữ ngôi Chánh Giác.

8. Nguyên rằng trong thế giới loài Nga quý mà còn một kẻ chưa thành Phật, con thề không giữ ngôi Chánh Giác.

9. Nguyên rằng nếu trong thế giới loài Địa ngục, mà còn một kẻ chưa thành Phật hoặc địa ngục chưa trống không, thì con thề không giữ ngôi Chánh Giác.

10. Nguyên rằng trong Tam Giới, nếu còn một ai đã từng quy y với con dù là Trời, Người, A tu la, các loài bay, lặn, động vật, thực vật, linh giới, rồng, súc sinh, quý, hoặc thần mà chưa thành Phật, con thề không giữ ngôi Chánh Giác.

11. Nguyên hồi hương, bố thí khắp nơi mọi phước lạc mà con đáng được hưởng, cho tất cả chúng sinh trong Pháp Giới.

12. Nguyên rằng một mình con sẽ nhận chịu hết tất cả khổ nạn của chúng sinh trong toàn Pháp Giới.

13. Nguyên rằng con sẽ phân linh thành vô số để phổ nhập vào tâm của những chúng sinh nào không tin Phật Pháp, làm cho họ bỏ ác hướng thiện, sám hối tội lỗi, biết tự sửa mình, quy y Tam Bảo, rồi cuối cùng đều được thành Phật.

14. Nguyên rằng chúng sanh nào thấy mặt con, hoặc chỉ nghe tên con, đều phát tâm Bồ đề, chóng đắc thành Phật Đạo.

15. Nguyên rằng luôn tôn kính điều Phật dạy và thực hành mỗi ngày ăn một bữa vào lúc giữa trưa.

16. Nguyên giác ngộ loài hữu tình, nhiếp thọ rộng khắp các loài căn cơ.

17. Nguyên trong đời này con sẽ đắc Ngũ nhãn, Lục thông, phi hành tự tại.

18. Nguyên rằng tất cả nguyện trên đều được thành tựu viên mãn.

Và cuối cùng :

**Chúng sinh vô biên thệ nguyện độ.**

**Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn.**

**Pháp môn vô lượng thệ nguyện học.**

**Phật đạo Vô Thượng thệ nguyện thành."**